

Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ

Trà Bồng, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: TĐ, xã TB, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Bùi Hùng C**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: TĐ, xã TB, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Hùng C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Bùi Hùng C tự nguyện thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung tên là Bùi Tá B, sinh ngày 08/9/1995 (đã trưởng thành); Bùi Tá Q, sinh ngày 19/7/2005 và Bùi Thị T T,

sinh ngày 19/7/2005. Hiện nay 02 cháu Q và T đang ở với chị T nên anh C đồng ý giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T đồng ý nhận nuôi 02 cháu Q và T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Án phí về yêu cầu ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị T và anh C mỗi người nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tuy nhiên chị T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000đ mà chị đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002840 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, còn phải hoàn trả cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

* *Các vấn đề khác*: Sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom chăm sóc giáo dục nuôi con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 5, 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự: “Để thi hành”;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Công Diễn